



Original Article

## Developing Environmental Services in Vietnam

Chu Thi Mai Phuong\*, Nguyen Thi Huong, Tu Thuy Anh

*Department of International Economics, Foreign Trade University, 91 Chua Lang, Hanoi, Vietnam*

Received 07 June 2019

Revised 21 June 2019; Accepted 21 June 2019

**Abstract:** In the current trend, human activities of production and activities have discharged a large amount of waste. This makes the pressure to handle environmental pollution increasing. Therefore, environmental services have become an important economic sub-sector of many countries including Vietnam. In Vietnam, as of 2017, have 3,769 enterprises operate in the field of environmental services. Of which, more than 80% are non-state enterprises, about 1% are FDI enterprises and the rest are state-owned enterprises. Enterprises mainly focus on services with high demand resulting from the requirements of the 2005 Law on Environmental Protection, such as designing, manufacturing, and building waste treatment systems; environmental monitoring and analysis; consulting, training, providing environmental information. This paper provides a general analysis of businesses operating in the environmental services industry, the situation of attracting FDI into the industry, pointing out the causes and shortcomings in the development of the industry and giving some discussions and recommendations for developing environmental services in Vietnam

*Keywords:* Environmental services, FDI, Vietnam.

\* Corresponding author.

*E-mail address:* [maiphuongchu@ftu.edu.vn](mailto:maiphuongchu@ftu.edu.vn)

<https://doi.org/10.25073/2588-1116/vnupam.4182>



## Phát triển dịch vụ môi trường ở Việt Nam

Chu Thị Mai Phương\*, Nguyễn Thị Hương, Từ Thúy Anh

*Khoa Kinh tế Quốc tế, Trường Đại học Ngoại thương, 91 Chùa Láng, Hà Nội*

Nhận ngày 07 tháng 6 năm 2019

Chỉnh sửa ngày 21 tháng 6 năm 2019; Chấp nhận đăng ngày 21 tháng 6 năm 2019

**Tóm tắt:** Trong xu thế hiện nay, các hoạt động sản xuất kinh doanh và sinh hoạt của con người đã thải ra môi trường một lượng lớn chất thải. Điều này khiến cho sức ép xử lý ô nhiễm môi trường ngày càng gia tăng. Do đó dịch vụ môi trường đã trở thành một phân ngành kinh tế quan trọng của nhiều quốc gia trong đó có Việt Nam. Tại Việt Nam, tính đến năm 2017 có 3.769 doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ môi trường. Trong đó có đến khoảng hơn 80% là doanh nghiệp ngoài nhà nước, khoảng 1% là doanh nghiệp FDI và còn lại là doanh nghiệp nhà nước. Các doanh nghiệp chủ yếu tập trung vào các mảng dịch vụ có nhu cầu cao xuất phát từ các yêu cầu trong Luật Bảo vệ môi trường 2005, như dịch vụ thiết kế, chế tạo, xây dựng hệ thống xử lý chất thải; quan trắc và phân tích môi trường; tư vấn, đào tạo, cung cấp thông tin môi trường. Bài báo này phân tích chung về các doanh nghiệp hoạt động trong ngành dịch vụ môi trường, về tình hình thu hút FDI vào ngành, chỉ ra những nguyên nhân, tồn tại trong sự phát triển ngành và đưa ra một số thảo luận, kiến nghị để phát triển ngành dịch vụ môi trường tại Việt Nam.

*Từ khóa:* Dịch vụ môi trường, FDI, Việt Nam.

### 1. Giới thiệu

Trong xu thế phát triển chung của nền kinh tế thế giới, các hoạt động sản xuất kinh doanh, sinh hoạt của con người ngày càng sử dụng nhiều nguồn tài nguyên thiên nhiên và thải ra môi trường các chất thải với khối lượng ngày càng lớn, làm gia tăng sức ép xử lý ô nhiễm môi trường. Cho nên dịch vụ môi trường (environmental service) đã trở thành một phân ngành trong khu vực kinh tế dịch vụ ở nhiều

quốc gia. Đồng thời, thuật ngữ dịch vụ môi trường cũng đã xuất hiện trong hệ thống phân ngành kinh tế của nhiều tổ chức quốc tế, như Liên Hợp quốc, Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) v.v.. Đây là một ngành dịch vụ mới ở Việt Nam, đang có nhiều khó khăn, tồn tại trong hướng phát triển. Bản thân số lượng các doanh nghiệp dịch vụ môi trường chưa nhiều, trong đó chủ yếu là doanh nghiệp ngoài nhà nước. Vốn FDI vào lĩnh vực dịch vụ môi trường còn rất khiêm tốn. Trong khi đó, đây lại là loại hình dịch

\*Tác giả liên hệ.

Địa chỉ email: [maiphuongchu@ftu.edu.vn](mailto:maiphuongchu@ftu.edu.vn)

<https://doi.org/10.25073/2588-1116/vnupam.4182>

vụ vô cùng quan trọng trong đời sống xã hội hiện nay. Ở Việt Nam, có một vài nghiên cứu cho chủ đề này, điển hình có thể kể đến các nghiên cứu của Trần Hoàn và cộng sự [1], Trần Hoàn và David L. [2], David, L. và Nguyễn Hoàng Minh [3]. Tuy nhiên các nghiên cứu mới tập trung vào phân tích thực trạng ngành dịch vụ môi trường ở Việt Nam. Bài viết này sẽ khắc họa bức tranh chung về các doanh nghiệp hoạt động trong ngành dịch vụ môi trường, về tình hình thu hút FDI vào ngành, chỉ ra những nguyên nhân, tồn tại trong sự phát triển ngành và đưa ra một số thảo luận, kiến nghị để phát triển ngành.

## 2. Dịch vụ môi trường là gì?

Mặc dù dịch vụ môi trường đã trở thành một ngành kinh tế ở nhiều quốc gia và trong thương mại dịch vụ quốc tế, song hiện nay trên thế giới chưa có một định nghĩa thống nhất về dịch vụ môi trường. Các khái niệm về dịch vụ môi trường được hình thành từ thực tiễn hoạt động dịch vụ môi trường của các tổ chức và mỗi quốc gia.

Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) định nghĩa về dịch vụ môi trường như sau: Dịch vụ môi trường là những dịch vụ được cung cấp nhằm quản lý, phòng ngừa, hạn chế, giảm thiểu hoặc khắc phục những thiệt hại về môi trường nước, không khí, đất, cũng như giải quyết những vấn đề liên quan đến chất thải, tiếng ồn và hệ sinh thái. Một số quốc gia thành viên WTO cũng đề xuất định nghĩa về dịch vụ môi trường của riêng mình. Chẳng hạn, Cộng đồng châu Âu đề xuất mở rộng phạm vi dịch vụ môi trường, bao gồm toàn bộ vòng đời sử dụng nước và bảo vệ, bảo tồn cảnh quan, hệ sinh thái và đa dạng sinh học. Hoa Kỳ định nghĩa dịch vụ môi trường là các hoạt động dịch vụ tạo ra doanh thu, liên quan đến việc tuân thủ các quy định về môi trường, đánh giá môi trường, phân tích môi trường, bảo vệ môi trường, kiểm soát ô nhiễm, quản lý chất thải, phục hồi môi trường, cung cấp và các tài nguyên môi trường như nước, vật liệu có thể tái sinh, năng lượng; và các hoạt động cải thiện hiệu quả năng lượng và tài nguyên, tăng năng suất, hỗ trợ tăng trưởng kinh tế bền vững [4].

Rõ ràng có nhiều khái niệm khác nhau về dịch vụ môi trường. Tuy nhiên, xuất phát từ quan điểm tự do hóa thương mại thì khái niệm của WTO được coi là đơn giản hơn cả. Theo đó, *dịch vụ môi trường gồm các loại hình dịch vụ có thể mang lại lợi ích môi trường*. Một điều lưu ý là do chưa có một định nghĩa thống nhất về dịch vụ môi trường nên khi đàm phán WTO, các nước không bắt buộc tuân theo một danh mục nào. Các nước có thể tự do sử dụng hoặc xây dựng cho mình một danh mục riêng để phục vụ cho mục đích đàm phán và cam kết thương mại. Quá trình đàm phán vẫn đang tiếp diễn kể từ sau Hội nghị Bộ trưởng WTO tại Doha năm 2001.

Về phân loại dịch vụ môi trường, hiện nay có 2 quan điểm:

**Cách phân loại của WTO (GATS):** Dựa trên quan điểm tự do hóa thương mại, các dịch vụ môi trường trong GATS, bao gồm 4 phân ngành: (i) Các dịch vụ về nước thải (CPC 9401); (ii) Các dịch vụ về rác thải (CPC 9402) hay còn được gọi là dịch vụ chất thải rắn; (iii) Dịch vụ vệ sinh và các dịch vụ tương tự (CPC 9403); (iv) Các dịch vụ môi trường khác (CPC 9404), gồm: làm sạch không khí bị ô nhiễm, hạn chế tiếng ồn, bảo vệ thiên nhiên và cảnh quan môi trường.

Cách phân loại này hạn chế, tập trung nhiều hơn vào những dịch vụ liên quan tới việc xử lý các hậu quả về môi trường (cách tiếp cận cuối đường ống); chỉ bao gồm các loại hình dịch vụ được cung cấp trong quá trình hoạt động của các trang thiết bị, máy móc, nhà xưởng và cũng chỉ quan tâm dịch vụ cung cấp cho cộng đồng.

**Cách phân loại của OECD và EU:** Dựa trên quan điểm lợi ích môi trường, đàm phán về dịch vụ môi trường sẽ dựa trên danh mục mới gồm 7 phân ngành: nước sinh hoạt và quản lý nước thải; quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại; bảo vệ khí quyển và khí hậu; khôi phục và làm sạch đất, nước; giảm độ rung và tiếng ồn; bảo vệ đa dạng sinh học và cảnh quan môi trường; các dịch vụ hỗ trợ và dịch vụ môi trường khác.

Tại Việt Nam, các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ môi trường được xếp trong nhóm ngành “Hoạt động quản lý và xử lý

rác thải, nước thải”. Phần sau sẽ khắc họa bức tranh chung về các doanh nghiệp này ở Việt Nam.

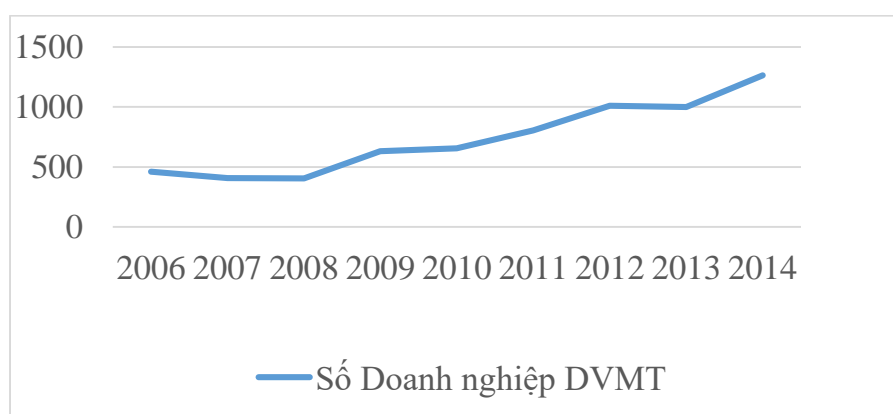
### 3. Các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ môi trường ở Việt Nam

Theo yêu cầu của Luật Bảo vệ môi trường năm 2005, tất cả các loại hình chất thải phát sinh từ hoạt động sản xuất, kinh doanh dịch vụ đều phải được xử lý trước khi thải ra môi trường và cơ sở có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ pháp lý về môi trường. Nhưng ở nước ta hiện nay, việc tuân thủ các quy định này chưa nghiêm,

dẫn đến nhu cầu phát triển dịch vụ môi trường ngày càng lớn.

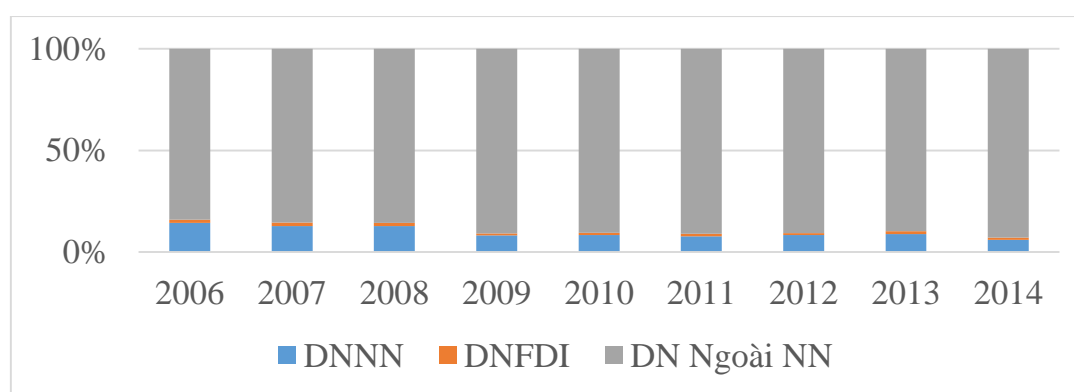
Căn cứ vào bộ số liệu điều tra doanh nghiệp của Tổng cục thống kê từ năm 2006 đến năm 2014, số doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ môi trường gia tăng cao (Hình 1). Số doanh nghiệp dịch vụ môi trường năm 2014 tăng gấp 3 lần so với năm 2006.

Trong đó, theo loại hình doanh nghiệp thì số doanh nghiệp ngoài nhà nước hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ môi trường chiếm tỷ trọng lớn (trên 80%), doanh nghiệp FDI hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ môi trường chiếm tỷ trọng rất khiêm tốn (khoảng 1%) (Xem Hình 2)



Nguồn: Nhóm tác giả tổng hợp dựa vào bộ số liệu điều tra doanh nghiệp của GSO

Hình 1. Số doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ môi trường ở Việt Nam từ năm 2006 – 2014



Hình 2. Tỷ trọng loại hình doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ môi trường từ năm 2006 – 2014

Nguồn: Nhóm tác giả tổng hợp dựa vào bộ số liệu điều tra doanh nghiệp của GSO

Đến năm 2017 trên cả nước có 3.769 doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ môi trường do địa phương cấp phép, hoạt động tại 46 tỉnh, thành phố và 96 doanh nghiệp do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp phép là các doanh nghiệp hoạt động liên vùng, liên tỉnh chủ yếu trong lĩnh vực thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại (CTNH) [5].

Theo số liệu thống kê của Tổng cục Môi trường, có 13 tỉnh, thành phố dẫn đầu về số lượng doanh nghiệp môi trường là thành phố Hà Nội (1.258 doanh nghiệp), tiếp đến là thành phố Hồ Chí Minh (1.025 doanh nghiệp), Hưng Yên (417 doanh nghiệp), Hải Phòng (114 doanh nghiệp), Đắk Lắk (100 doanh nghiệp), Bình Phước (75 doanh nghiệp), Thái Bình (75 doanh nghiệp), thành phố Đà Nẵng (72 doanh nghiệp), Thanh Hóa (66 doanh nghiệp), Đồng Nai (55 doanh nghiệp), Cần Thơ (54 doanh nghiệp), Lâm Đồng (53 doanh nghiệp), Bắc Giang (51 doanh nghiệp). Như vậy, có 3.415 doanh nghiệp thực hiện dịch vụ môi trường tại 13 tỉnh, thành phố này, chiếm 90,61% tổng số doanh nghiệp. Chỉ tính riêng Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh đã có tới 2.283 doanh nghiệp thực hiện dịch vụ môi trường, chiếm 60,57% tổng số doanh nghiệp trong phạm vi cả nước.

Nhiều tỉnh thuộc khu vực miền núi phía Bắc, khu vực Tây Nguyên, khu vực Tây Nam Bộ gần như không có doanh nghiệp thực hiện dịch vụ về quan trắc, phân tích môi trường; dịch vụ thiết kế, chế tạo, xây dựng hệ thống xử lý chất thải; dịch vụ phát triển, chuyển giao công nghệ sản xuất thân thiện với môi trường; dịch vụ kiểm toán môi trường.

Các doanh nghiệp thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH chủ yếu được thành lập tại các vùng dịch vụ công nghiệp phát triển cao kéo theo nhiều sự phát thải lớn của CTNH. Các khu vực như Tây Bắc hay Tây Nguyên, kinh tế chủ yếu dựa trên nông, lâm nghiệp nên nhu cầu xử lý CTNH không lớn, điều này cũng lý giải việc các doanh nghiệp vận chuyển và xử lý CTNH có số lượng thấp nhất tại hai vùng này.

Ngoài sự phân bố không đồng đều về số lượng các doanh nghiệp dịch vụ môi trường trên

địa bàn toàn quốc, tỷ lệ 9 loại hình dịch vụ môi trường được các doanh nghiệp trên cung cấp cũng rất khác nhau. Trong các doanh nghiệp dịch vụ môi trường chưa có doanh nghiệp nào có khả năng cung cấp tất cả các loại hình dịch vụ; các doanh nghiệp có khả năng cung cấp từ 2 loại hình dịch vụ trở lên tập trung tại các thành phố như Hà Nội, TP.Hồ Chí Minh, Hải Phòng...

Các doanh nghiệp chủ yếu tập trung vào các mảng dịch vụ có nhu cầu cao xuất phát từ các yêu cầu trong Luật Bảo vệ môi trường 2005, như dịch vụ thiết kế, chế tạo, xây dựng hệ thống xử lý chất thải; lập, thẩm định Báo cáo ĐTM, ĐMC, CKBVMT; quan trắc và phân tích môi trường; tư vấn, đào tạo, cung cấp thông tin môi trường.

Phần lớn các doanh nghiệp dịch vụ môi trường tập trung ở các tỉnh, thành phố lớn, chủ yếu ở khu vực đồng bằng, nơi có hoạt động công nghiệp phát triển mạnh, phát sinh nhiều chất thải và nhận thức của cơ sở sản xuất về bảo vệ môi trường cao. Địa bàn hoạt động của doanh nghiệp dịch vụ môi trường ở các tỉnh, thành phố này cũng rất rộng, vượt ra khỏi phạm vi của một tỉnh, thành phố. Đặc biệt là Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh, nhiều doanh nghiệp đã hoạt động rộng khắp cả nước, không phụ thuộc vào vị trí phân bố.

Do đặc thù ngành dịch vụ môi trường mới phát triển, tính chất chuyên biệt của thị trường chưa cao. Một doanh nghiệp có thể tham gia cung cấp nhiều loại hình dịch vụ cùng một lúc, hoặc hoạt động theo cơ chế liên danh cộng tác để cung cấp một dịch vụ tổng thể (từ đào tạo đến đo đạc quan trắc và thiết kế, hay thiết kế, thi công và vận hành).

Trong số các doanh nghiệp dịch vụ môi trường này, có 95,7% doanh nghiệp tự chủ hoàn toàn được kinh phí hoạt động, có 4,3% doanh nghiệp tự chủ được một phần kinh phí hoạt động. Các doanh nghiệp tự chủ một phần kinh phí hoạt động đều là các doanh nghiệp Nhà nước đang hoạt động trên các địa bàn miền núi, Tây Nguyên phục vụ cho các mục đích dân sinh.

Doanh nghiệp thực hiện dịch vụ môi trường ở các tỉnh, thành phố lớn còn đa dạng về loại hình hoạt động, gồm cả doanh nghiệp Nhà nước, tư

nhân, các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp liên doanh... Trong khi đó, ở các địa phương còn lại, doanh nghiệp môi trường chủ yếu là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên môi trường đô thị hoặc Trung tâm Quan trắc và Phân tích môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

#### 4. Vốn đầu tư FDI vào các dịch vụ môi trường tại Việt Nam

##### 4.1. Số lượng dự án đầu tư vào các dịch vụ môi trường

Đầu tư FDI trong lĩnh vực dịch vụ môi trường có xu hướng tăng mạnh trong thời gian qua. Đối với khu vực FDI, theo số liệu thống kê của Cục đầu tư nước ngoài tính lũy kế đến ngày 31/12/2014, lĩnh vực cấp nước xử lý chất thải là 38 dự án với số vốn điều lệ là 368,62 triệu USD và tổng vốn đầu tư đăng ký có 1.348,49 triệu USD. Số doanh nghiệp fdi tham gia vào lĩnh vực này cũng tăng từ 5 doanh nghiệp (năm 2005) lên 37 doanh nghiệp vào năm 2012. Khảo sát cũng cho thấy, kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp FDI trong lĩnh vực dịch vụ môi trường tương đối khả quan. Các nhà đầu tư nước ngoài và Việt Nam ngày càng nhận ra những lợi ích tiềm năng của việc đầu tư vào trong các lĩnh vực hàng hóa dịch vụ môi trường tại Việt Nam.

Thực tế cũng cho thấy tăng trưởng kinh tế và phát triển công nghiệp đã tạo ra áp lực và hệ quả về môi trường ngày càng cao, trong đó, lĩnh vực xử lý chất thải nước được tập trung nhiều nhất.

Theo nhận định của các chuyên gia, môi trường pháp lý của Việt Nam và đầu tư trong các lĩnh vực dịch vụ môi trường đang có nhiều thuận lợi. Đầu tư vào hàng hóa dịch vụ môi trường thực sự được khuyến khích với các chính sách miễn, giảm đáng kể thuế nhập khẩu và phí sử dụng đất. Lợi ích của các nhà đầu tư sẽ gia tăng nếu có các khoản đầu tư liên quan đến chuyển giao công nghệ mới đặc biệt là công nghệ cao. Đồng thời các nhà đầu tư sẽ được hưởng lợi ích tối đa nếu thực hiện các dự án đầu tư tại các địa bàn được khuyến khích đầu tư. Ngoài ra đầu tư vào ngành

hàng hóa và dịch vụ môi trường cũng sẽ được hưởng lợi từ việc bảo hộ sở hữu trí tuệ liên quan đến các công nghệ được chuyển giao.

Trong những năm gần đây, tỷ trọng của ngành dịch vụ môi trường trong GDP có xu hướng tăng lên, từ mức 0,51% năm 2005 đã tăng lên gần 0,57% năm 2013, đáp ứng khoảng 5% nhu cầu xử lý chế biến nước thải đô thị, chế biến khoảng 15% nhu cầu chất thải rắn và 14% lượng chất thải nguy hại. Trong năm 2014, theo báo cáo của Bộ Công Thương, ngành cung cấp nước, quản lý và xử lý rác thải, nước thải có tốc độ tăng trưởng thấp hơn so với mức tăng chung toàn ngành, đạt 6,4%, thấp hơn mức tăng cùng kỳ năm trước (9,1%) [1]. Hiện nay, quy mô thị trường dịch vụ môi trường của Việt Nam theo số liệu thống kê của Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC) dựa vào danh mục của OECD năm 2015 vào khoảng 30 tỷ USD và có xu hướng tăng liên tục với tốc độ trên 8%/năm. Việt Nam hiện đứng thứ 21 trong tổng số 21 nền kinh tế thành viên Diễn đàn Hợp tác Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương (APEC) về xuất khẩu dịch vụ môi trường với xuất khẩu trung bình năm giai đoạn 2008-2014 hơn 1,4 tỷ USD. Ngoài ra, chúng ta vẫn đứng ở vị trí rất thấp so với các quốc gia trong khu vực như Thái Lan, Malaysia, Indonexia... Tuy nhiên, Việt Nam nằm trong top 20 quốc gia trên thế giới về nhập khẩu dịch vụ môi trường với quy mô nhập khẩu trung bình giai đoạn 2008-2014 vào khoảng 4 tỷ USD. Xuất nhập khẩu dịch vụ môi trường của Việt Nam tập trung vào nhóm các máy móc, thiết bị, gồm các linh kiện cho sản xuất năng lượng tái tạo, các sản phẩm tiết kiệm điện, các linh kiện cho hoạt động của các nhà máy tái chế, xử lý nước thải, rác thải, khí thải... Mặc dù vậy, dựa vào các số liệu về thị trường dịch vụ môi trường và danh mục theo phân loại dịch vụ môi trường của Việt Nam thì có sự chênh lệch rất lớn về quy mô thị trường do nhiều dịch vụ môi trường không được đưa vào thống kê.

##### 4.2. Quy mô của các dự án đầu tư vào dịch vụ môi trường

Theo số liệu điều tra, khảo sát cho thấy, hiện có 3.769 doanh nghiệp (DN) hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ môi trường do địa phương cấp

phép, hoạt động tại 46 tỉnh, thành phố và 96 DN do Bộ TN&MT cấp phép (là các DN hoạt động liên vùng, liên tỉnh, hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại).

Các doanh nghiệp do địa phương cấp phép: Theo số liệu thống kê, hiện có 13 tỉnh/thành phố (TP) dẫn đầu về số lượng DN hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ môi trường là TP. Hà Nội (1.258 DN), tiếp đến là TP. Hồ Chí Minh (1.025 DN), Hưng Yên (417 DN), Hải Phòng (114 DN), Đắk Lắk (100 DN), Bình Phước (75 DN), Thái Bình (75 DN), TP. Đà Nẵng (72 DN), Thanh Hóa (66 DN), Đồng Nai (55 DN), Cần Thơ (54 DN), Lâm Đồng (53 DN), Bắc Giang (51 DN). Chủ yếu các DN dịch vụ môi trường phân bố ở các tỉnh, TP lớn, chiếm 90,61% tổng số DN dịch vụ môi trường cả nước.

Nhiều tỉnh thuộc khu vực miền núi phía Bắc, khu vực Tây Nguyên, khu vực Tây Nam Bộ gần như không có DN hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ môi trường về quan trắc, phân tích môi trường; thiết kế, chế tạo, xây dựng hệ thống xử lý chất thải; phát triển, chuyển giao công nghệ sản xuất thân thiện với môi trường; kiểm toán môi trường.

Các doanh nghiệp do Bộ TN&MT cấp phép: Giai đoạn 2001- 2011, Bộ TN&MT đã cấp phép cho 96 DN, trong đó phạm vi hoạt động của các DN được phân bố như sau: Có 7 DN hoạt động tại 8 vùng trên cả nước, 2 DN hoạt động tại 7 vùng, 2 DN hoạt động tại 6 vùng, 4 DN hoạt động tại 5 vùng, 29 DN hoạt động tại 4 vùng, 23 DN hoạt động tại 3 vùng, 26 DN hoạt động tại 2 vùng và 3 DN hoạt động tại 1 vùng. Các DN thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại (CTNH) chủ yếu được thành lập tại các vùng công nghiệp phát triển cao kéo theo sự phát thải lớn. Địa bàn hoạt động của DN dịch vụ môi trường cũng rất rộng, vượt ra khỏi phạm vi của một tỉnh, TP, nhiều DN đã hoạt động rộng khắp cả nước, không phụ thuộc vào vị trí phân bố.

Ngoài sự phân bố không đồng đều về số lượng các DN dịch vụ môi trường trên địa bàn toàn quốc, việc cung cấp các loại hình dịch vụ môi trường của các DN trên cũng khác nhau.

Theo số liệu điều tra cho thấy, trong số các DN dịch vụ môi trường, chưa có DN nào có khả năng cung cấp tất cả các loại hình dịch vụ; các DN có khả năng cung cấp từ 2 loại hình dịch vụ trở lên tập trung tại các thành phố lớn như: Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Hải Phòng... Phần lớn, các DN chủ yếu tập trung vào các mảng dịch vụ có nhu cầu cao xuất phát từ các yêu cầu trong Luật BVMT 2005 như dịch vụ thiết kế, chế tạo, xây dựng hệ thống xử lý chất thải; lập, thẩm định báo cáo Đánh giá tác động môi trường, Đánh giá môi trường chiến lược; quan trắc và phân tích môi trường; tư vấn, đào tạo, cung cấp thông tin môi trường.

Bên cạnh một số lĩnh vực dịch vụ môi trường đã hoạt động từ lâu đời như dịch vụ thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt, dịch vụ quan trắc và phân tích môi trường thì đa số các lĩnh vực dịch vụ còn lại ở Việt Nam còn tương đối mới mẻ. Trong các doanh nghiệp dịch vụ môi trường được điều tra cho thấy hầu hết các doanh nghiệp đều đăng ký hoạt động từ 2 loại hình dịch vụ môi trường trở lên, chưa có doanh nghiệp nào có khả năng cung cấp tất cả 09 loại hình dịch vụ, các doanh nghiệp có khả năng cung cấp từ 5 dịch vụ trở lên chiếm tỉ lệ nhỏ, tập trung tại các thành phố như Hà Nội, Hồ Chí Minh, Hải Phòng...

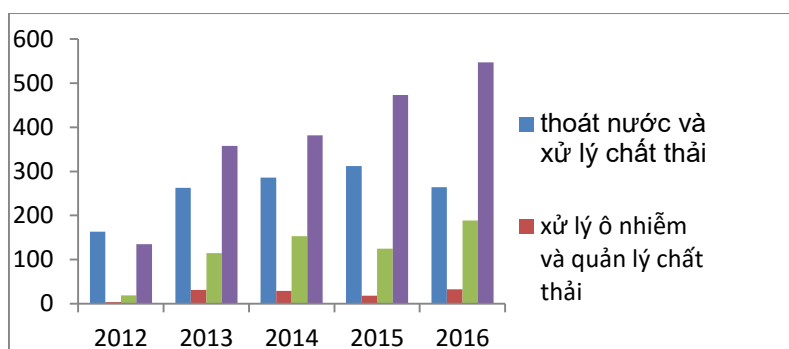
Trong số 493 doanh nghiệp được điều tra cho thấy, các doanh nghiệp hoạt động chủ yếu trong dịch vụ tư vấn, đào tạo, cung cấp thông tin về môi trường (chiếm 50%); lĩnh vực dịch vụ thiết kế, chế tạo, xây dựng hệ thống xử lý chất thải (chiếm 43%); dịch vụ thu gom, vận chuyển, tái chế, xử lý chất thải (chiếm 45%); tiếp theo là dịch vụ quan trắc, phân tích môi trường (chiếm 20%); dịch vụ khắc phục và cải tạo môi trường (chiếm 9%); dịch vụ phát triển, chuyển giao công nghệ sản xuất thân thiện với môi trường, công nghệ môi trường (chiếm 6%). Các doanh nghiệp hoạt động trong một số lĩnh vực khác còn khá khiêm tốn như doanh nghiệp dịch vụ môi trường đối với máy móc, thiết bị, công nghệ, giám định thiệt hại về môi trường (chiếm 3%); dịch vụ kiểm toán môi trường hầu như chưa có (chỉ chiếm 1%); không có doanh nghiệp cung cấp dịch vụ thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (chiếm 0%).

Qua biểu đồ 4.1, ta thấy quy mô các doanh nghiệp và dự án FDI đầu tư vào lĩnh vực môi trường luôn tăng đều qua các năm. Đặc biệt là ngành dịch vụ thu gom, xử lý, tiêu hủy rác thải phế liệu luôn chiếm tỷ trọng cao. Thực tế đó cho thấy một điều là, ngành công nghiệp môi trường ở nước ta còn kém phát triển, công nghệ mới chỉ tập trung vào việc giải quyết được khâu cơ bản của chất thải rắn, chưa có sự đầu tư đúng mức và chiều sâu vào xử lý chất thải mang tính hệ thống [6].

Các doanh nghiệp môi trường nói chung và doanh nghiệp cung cấp dịch vụ môi trường nói riêng phần lớn được xếp vào doanh nghiệp vừa và nhỏ, thậm chí siêu nhỏ, ít doanh nghiệp lớn. Theo số liệu điều tra, khảo sát tại 493 doanh nghiệp cho thấy, vốn đăng ký kinh doanh của các doanh nghiệp trung bình là 35.856.404.908/1 đơn vị.

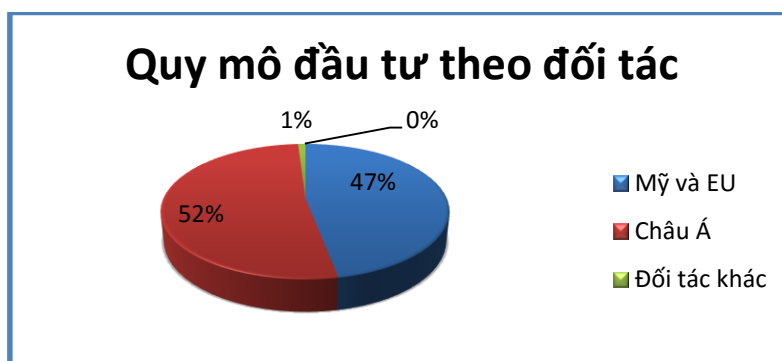
Trong lĩnh vực xử lý nước thải công nghiệp, một số công ty có quy mô khá lớn như SEEN, Công ty Môi trường Á Đông, Công ty môi trường ECO; một số công ty nước ngoài chuyên thực hiện các dự án ODA chính phủ trong lĩnh vực này như EBARA (Nhật Bản), xử lý các loại nước thải công nghiệp như Glowtech (Singapore), xử lý và chế biến rác CSW (Hoa Kỳ).

Những đối tác đầu tư vào dịch vụ môi trường chủ yếu đến từ Mỹ, EU và khu vực châu Á. Ở châu Á, đối tác chủ yếu là Nhật Bản đứng đầu với 107 dự án, sau đó là Hàn Quốc với 47 dự án, Singapore và Thái Lan có số dự án bằng nhau là 25 dự án. Ở khu vực Mỹ và EU chủ yếu là Hoa Kỳ với 20 dự án, Pháp với 17 dự án, Vương quốc Anh với 15 dự án.



Biểu đồ 4.1. Quy mô các dự án đầu tư vào dịch vụ môi trường tại Việt Nam 2012-2016 (Đơn vị: Triệu USD)

Nguồn: Cục đầu tư nước ngoài, Báo cáo tình hình FDI tại Việt Nam 2012-2016



Biểu đồ 4.2. Quy mô đầu tư theo đối tác

Nguồn: Cục đầu tư nước ngoài, Báo cáo tình hình FDI tại Việt Nam 2012-2016



Kết quả điều tra, khảo sát của Hiệp hội Công nghiệp Môi trường trong năm 2015 cũng cho thấy: Nhóm doanh nghiệp quy mô vốn từ 1 – 5 tỷ đồng là phổ biến nhất (315 DN, chiếm 28% tổng số DN); nếu tính cả các doanh nghiệp nhỏ hơn, có tới 592 doanh nghiệp, chiếm tới 52,6% tổng số DN. Số doanh nghiệp lớn có số vốn trên 500 tỷ VNĐ chỉ là 32, chiếm 2,84% tổng số doanh nghiệp môi trường.

Theo niên giám thống kê năm 2014, Tổng sản phẩm theo giá hiện hành của doanh nghiệp môi trường năm 2013 là 17.883 tỷ (0,499% GDP), năm 2014 là 19.526 tỷ (0,496% GDP); tăng trưởng 9,19%/năm, gần gấp đôi so với tăng trưởng GDP (5,98%), chiếm gần 0,5% tổng sản phẩm trong nước, cao hơn nhiều so với tăng trưởng công nghiệp cùng kỳ (7,15) [7].

## 5. Thảo luận và kết luận

Như vậy, công nghiệp môi trường Việt Nam mới ở giai đoạn đầu của sự phát triển, đóng góp trong tổng sản lượng công nghiệp cũng như GDP còn rất khiêm tốn, kể cả so với mức trung bình của thế giới lẫn so với chính các ngành công nghiệp Việt Nam. Điều này dẫn tới hai kết luận: (i) ngành công nghiệp môi trường của VN còn quá nhỏ, đồng nghĩa với công tác bảo vệ môi trường được đáp ứng ở mức rất thấp so với nhu cầu; (ii) nhu cầu phát triển CNMT là rất lớn, dư địa để phát triển còn nhiều.

Một kênh đầu tư quan trọng để phát triển dịch vụ môi trường thì hiện còn rất hạn chế. Một số nguyên nhân chủ yếu của những hạn chế này là:

*Thứ nhất, hệ thống pháp luật, chính sách liên quan đến thu hút vốn đầu tư của Việt Nam còn nhiều bất cập*

Hệ thống pháp luật chưa minh bạch, thi hành luật chưa nghiêm. Mặc dù hệ thống pháp luật nước ta đang ngày càng được hoàn thiện theo hướng tích cực và phù hợp với thông lệ quốc tế, nhất là với sự ra đời của Luật đầu tư chung năm 2005. Nhưng nhìn chung, các chính sách còn chưa thật sự đồng bộ, văn bản ban hành chậm, chưa thật cụ thể và gần như là không có lộ trình

trước cho những thay đổi. Do đó gây ra cho các nhà đầu tư nhiều khó khăn và thiệt hại vì khó dự báo, dự toán hoạt động sản xuất kinh doanh. Thực thi chính sách pháp luật thiếu nhất quán, tùy tiện, chông chéo, nhiều văn bản có nội dung không rõ ràng, thậm chí còn đối lập nhau hoặc quy định của ngành này chông chéo ngành khác, các văn bản luật còn chung chung chưa rõ ràng.

Ngoài ra, đối với các chính sách ưu đãi đầu tư của Trung ương, Việt Nam chưa có quy định cụ thể quy trình, cách thức thực hiện các chính sách ưu đãi đầu tư. Luật đầu tư mới chỉ đề cập đến việc ghi các nội dung ưu đãi đầu tư vào giấy chứng nhận đầu tư, nhưng chưa quy định cụ thể quy trình thực hiện các nội dung ưu đãi ấy như thế nào. Cũng chưa có sự phối hợp và lồng ghép giữa các quy định về chính sách ưu đãi đầu tư nói chung với các cơ chế chính sách khuyến khích phát triển các ngành, lĩnh vực đặc thù (như lĩnh vực xã hội hoá, xây dựng nghĩa trang, các dự án nhà ở xã hội, ...), dẫn đến sự chông chéo, thiếu nhất quán.

*Thứ hai, cơ sở hạ tầng, vật chất kỹ thuật cho ngành dịch vụ môi trường còn nhiều yếu kém.*

Thời gian qua, nhà nước ta đã có nhiều cố gắng trong việc huy động các nguồn lực cho việc phát triển hạ tầng kỹ thuật nhưng còn chưa đồng bộ, chất lượng còn nhiều yếu kém. Đây cũng là một nguyên nhân khiến chi phí đầu tư, kinh doanh vào nhà nước cao, nguồn vốn đầu tư dành cho xây dựng kết cấu hạ tầng, nhất là hạ tầng trong các khu công nghiệp tập trung, cụm công nghiệp mới còn quá thấp chỉ 20 - 30% tổng nguồn vốn đầu tư, chưa huy động được nguồn vốn khác để phát triển khu công nghiệp một cách đồng bộ.

*Thứ ba, chất lượng lao động còn thấp và trình độ quản lý của nhà nước đối với FDI còn kém hiệu quả.*

Tỷ lệ lao động có tay nghề thấp, phần lớn các doanh nghiệp phải tuyển dụng và tự đào tạo lao động, điều này làm cho họ mất thời gian và chi phí đào tạo, ngoài ra các dự án FDI khi tìm kiếm các nhân sự cấp cao, có trình độ rất khó khăn. Cơ cấu lao động ở nước ta còn mất cân đối, còn yếu, nhất là công nhân kỹ thuật có tay nghề cao là ít,

cơ cấu lao động còn bất hợp lý, thiếu lao động ở những ngành công nghệ cao, ngành mũi nhọn, lĩnh vực quan trọng của đời sống xã hội. Chất lượng lao động còn chưa cao, tính kỷ luật lao động còn thấp, chưa đều và có khoảng cách xa với yêu cầu công nghiệp hoá hiện đại hoá. Nguồn nhân lực còn phân phối chưa hợp lý và sử dụng chưa hiệu quả. Ngoài ra, các cơ chế, chính sách, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, đãi ngộ... còn bộc lộ nhiều bất cập. Các trường đào tạo nguồn nhân lực mang nặng tính lý thuyết vì thế nếu được tuyển dụng các công ty cũng phải đào tạo lại, làm tăng thêm chi phí cho dự án và lãng phí nguồn lực xã hội.

*Thứ tư, do tiềm lực tài chính của một số nhà đầu tư còn hạn chế*

Một số nhà đầu tư nước ngoài bị hạn chế năng lực tài chính nên không triển khai được các dự án, hoặc triển khai chậm, thậm chí không triển khai được dự án. Mặt khác, tình hình kinh tế thế giới trong những năm vừa qua biến động bất thường, khủng hoảng và suy thoái kinh tế diễn ra ở nhiều nơi, làm cho hoạt động đầu tư gặp khó khăn, có một số nhà đầu tư nước ngoài bị phá sản cho nên không triển khai hoạt động các dự án.

Những thay đổi của Luật, Nghị định, chính sách đang ngày càng nâng cao vai trò, ý nghĩa của dịch vụ môi trường trong xã hội. Yêu cầu tuân thủ về an toàn, bảo vệ môi trường đang từng bước từ "thủ tục" trở thành yêu cầu tất yếu. Đây là cơ hội mở ra thêm nhiều hợp đồng tiềm năng cho sự phát triển của dịch vụ tư vấn môi trường, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp dịch vụ môi trường phát triển trong những năm tới.

Trước thực tế này, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Đề án phát triển mạng lưới doanh

nh nghiệp dịch vụ môi trường đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 nhằm tăng cường năng lực xử lý chất thải, kiểm soát và khắc phục ô nhiễm, nâng cao chất lượng môi trường. Đề án trên thực hiện tại các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương với mục tiêu đến năm 2020 đáp ứng nhu cầu xử lý 70% nước thải sinh hoạt tại các khu đô thị từ loại IV trở lên; thu gom, xử lý 95% chất thải rắn tại các đô thị, 75% chất thải rắn tại khu vực nông thôn; tái sử dụng, tái chế hoặc thu hồi năng lượng, sản xuất phân bón từ ít nhất 85% chất thải rắn phát sinh; xử lý, tiêu hủy, chôn lấp an toàn sau xử lý, tiêu hủy 85% chất thải nguy hại phát sinh; xử lý được 50% tỷ lệ diện tích đất bị ô nhiễm.

### Tài liệu tham khảo

- [1] Trần Hoàn, Hồ Trung Thành, Trương Thị Thanh Huyền, Điều tra đánh giá thực trạng phát triển dịch vụ môi trường ở Việt Nam và đề xuất các giải pháp phát triển phù hợp với các cam kết quốc tế trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, Viện nghiên cứu Thương Mại, Bộ Công Thương, 2007.
- [2] Tran Hoan, David Luff, Improve negotiation and implementation of international commitments on environmental goods and service, EU-MUTRAP, 2015.
- [3] David Luff, Nguyen Hoang Minh, Promotion of FDI in the sector of environmental goods and services, Journal of Environmental Law and Policy, 32(2) (2015) 12-24.
- [4] WTO, Committee on Trade and Environment in Special Session: Report by the Chairman No. TN/TE/20, WTO, April, 2011.
- [5] Tổng cục thống kê, Niên giám thống kê, NXB Thống kê, Hà Nội, 2018.
- [6] Cục đầu tư nước ngoài, Báo cáo tình hình FDI tại Việt Nam 2012-2016, 2017.
- [7] Tổng cục thống kê, Niên giám Thống kê, NXB Thống kê, Hà Nội, 2014.